

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chi chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TƯ NGHĨA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của UBND xã Tư Nghĩa về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của UBND xã Tư Nghĩa về việc Phê duyệt phương án tăng thu, dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã năm 2025;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã Tư Nghĩa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi chuyển nguồn ngân sách năm 2025 sang năm 2026 với tổng số tiền 20.470.674.401 đồng, cụ thể như sau:

1. Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, bảo trợ xã hội: 3.947.755.000 đồng.

2. Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm 2025 thực hiện dự toán: 11.901.172.000 đồng.

3. Các khoản tăng thu, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách: 3.008.685.333 đồng.

4. Các chương trình mục tiêu quốc gia đang trong thời gian thực hiện theo Nghị quyết của Quốc hội: 1.613.062.068 đồng.

(Chi tiết như phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao phòng Kinh tế xã có trách nhiệm phối hợp với Kho bạc Nhà nước Khu vực XV – Phòng Giao dịch số 19 lập các thủ tục cần thiết để chi

chuyển nguồn và quyết toán nguồn kinh phí trên theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; KBNN Khu vực XV - Trưởng phòng Giao dịch số 19; Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Hưng



PHỤ LỤC
CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NĂM 2025 SANG NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 05/3/2026 của UBND xã Tư Nghĩa)

ĐVT: Đồng

STT	Nội Dung	Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng (I+II+III+IV)	20.470.674.401	
I	Nguồn cải cách tiền lương, bảo trợ xã hội	3.947.755.000	Hạch toán vào tiểu mục 0963
1	Kinh phí thực hiện tiền lương	2.115.755.000	Theo số liệu thẩm định của Sở Tài chính số 1300/TB-STC ngày 02/3/2026
2	70% tăng thu ngân sách thực hiện CCTL	1.832.000.000	
II	Kinh phí bổ sung sau 30/09	11.901.172.000	Hạch toán vào tiểu mục 0965
1	Kinh phí sửa chữa cải tạo nâng cấp trường lớp học	1.300.000.000	QĐ 345/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
2	Kinh phí khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh	4.500.000.000	QĐ 372/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
3	Kinh phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng trụ sở làm việc, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các đơn vị hành chính cấp xã	1.700.000.000	QĐ 377/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
4	Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội 06 tháng cuối năm 2025 (Phòng Văn hoá - Xã hội) Công văn số 3431/STC-QLNS ngày 29/10/2025 của STC Quảng Ngãi	3.215.000.000	QĐ 3361/QĐ-UBND ngày 04/11/2025
5	kinh phí thực hiện đề thực hiện Công trình: Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Đảng ủy xã Tư Nghĩa; Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa phòng khách và phòng truyền thống Đảng ủy xã (Văn phòng Đảng ủy)	5.902.000	QĐ 3866/QĐ-UBND ngày 16/12/2025
6	kinh phí thực hiện đề thực hiện Công trình: Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Đảng ủy xã Tư Nghĩa; Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa phòng làm việc lãnh đạo và phòng họp Ban Thường vụ Đảng ủy xã (Văn phòng Đảng ủy)	5.446.000	QĐ 3865/QĐ-UBND ngày 16/12/2025
7	Kinh phí thực hiện Công trình: sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc UBND xã Tư Nghĩa (Phòng Kinh tế xã)	1.174.824.000	QĐ 3845/QĐ-UBND ngày 11/12/2025
III	Các khoản tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách	3.008.685.333	Hạch toán vào tiểu mục 0967
1	Nộp trả kết luận Thanh tra tiền thuê đất công ích theo kết luận số 369/KL-TTCP của Thanh tra chính phủ	414.600.000	Theo Phương án phê duyệt của UBND xã tại Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 05/3/2026
2	Trả nợ đọng xây dựng cơ bản theo Kết luận Thanh tra số 08/KL-TTT ngày 05/12/2023 của Thanh tra tỉnh	1.889.152.000	
3	Trả nợ chi phí đo đạc, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000, lập hồ sơ cấp giấy quyền sử dụng đất công trình: Dồn điền đổi thửa và chỉnh trang đồng ruộng xứ đồng Từ Diên, Công Diên, Cây mốc thôn Phú Văn; Sông trang, Bàu Đĩa thôn Tân Hội	149.772.400	
4	Trả nợ chi phí đo đạc, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000, lập hồ sơ cấp giấy quyền sử dụng đất công trình: Dồn điền đổi thửa và chỉnh trang đồng ruộng xứ đồng Ga thôn Phú Văn xã Nghĩa Trung	60.038.000	
5	Trả nợ chi phí đo đạc, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000, lập hồ sơ cấp giấy quyền sử dụng đất công trình: Dồn điền đổi thửa và chỉnh trang đồng ruộng xứ đồng Cây xoài, Hương hòa, Đồng Trầm tích, Đồng Tế diên	39.083.333	
6	Bổ trí nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác	200.000.000	
7	Bổ sung dự phòng chi ngân sách	180.000.000	
8	Kinh phí bổ sung có mục tiêu của tỉnh thực hiện tổ chức Đại hội Đại biểu Đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2025 - 2030	30.600	
9	Kinh phí chi đầu tư phát triển còn lại theo Quyết định 66/QĐ-UBND ngày 05/9/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi	76.009.000	
IV	Các chương trình mục tiêu quốc gia đang trong thời gian thực hiện theo Nghị quyết của quốc hội	1.613.062.068	Hạch toán vào tiểu mục 0968

STT	Nội Dung	Số tiền	Ghi chú
1	KP vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025 (NS TW)	627.000.000	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	86.000.000	
-	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng (Phòng Văn hóa - Xã hội)	86.000.000	Mã CTMT: 10473
*	Dự án 4: Phát triển GD nghề nghiệp, việc làm (Mã: 00474)	541.000.000	
-	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (Phòng Văn hóa - Xã hội)	299.000.000	Mã CTMT: 10474
-	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm (Phòng Văn hoá - Xã hội)	242.000.000	
2	KP vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025 (NS tỉnh)	100.000.000	
*	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	12.000.000	
-	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng (Phòng Văn hóa - Xã hội)	12.000.000	Mã CTMT: 20473
*	Dự án 4: Phát triển GD nghề nghiệp, việc làm (Mã: 00474)	88.000.000	
-	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (Phòng Văn hóa - Xã hội)	52.000.000	Mã CTMT: 20474
-	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm (Phòng Văn hoá - Xã hội)	36.000.000	
3	Kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững (00470) - vốn sự nghiệp (NS xã)	58.768.181	Mã CTMT 00470
4	Kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới (00490) - vốn sự nghiệp (NS xã)	29.577.000	Mã CTMT 00490
5	Kinh phí chi đầu tư phát triển còn lại theo Quyết định 92/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (Mã CTMTQG 10492) (NS xã)	17.506.801	Mã CTMT 10492
6	Kinh phí chi đầu tư phát triển còn lại theo Quyết định 92/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi (Mã CTMTQG 20492) (NS xã)	780.210.086	Mã CTMT 20492